

XUNG HÔ TRONG GIA ĐÌNH NGƯỜI PA CÔ Ở THỪA THIÊN HUẾ

HỒ THỊ THANH TÂM¹
TRƯƠNG THI NHÀN²

Abstract: Address is both a linguistic and a cultural act, reflecting the behavioral culture of human beings in specific communication contexts. The research on the address in the Pacoh people's families in Thừa Thiên Huế province has the aim to clarify the characteristics of the language and communication culture of an ethnic minority community in the province. Based on the results of linguistic fieldwork and description, the article has identified a system of 16 personal pronouns and 32 kinship terms used as address terms in the Pacoh language; analyzed their grammatical - semantic features; and pointed out the ways family members address each other and the factors affecting the choice of address forms in Pacoh people's family.

Key words: Pacoh language, addressing, language - culture.

1. Mở đầu

Xung hô là một hành vi ngôn ngữ được thực hiện trong giao tiếp ở tất cả các cộng đồng người. Hành vi này được thực hiện bằng cách người nói sử dụng những từ ngữ nhằm “dẫn” các nhân vật giao tiếp vào trong phát ngôn, đồng thời qua đó bộc lộ luôn mối quan hệ liên cá nhân giữa các nhân vật giao tiếp, góp phần vào việc thực hiện thành công mục đích nói mà hoạt động giao tiếp đó đặt ra. Liên quan đến các mối quan hệ xã hội, xung hô còn là một hành vi ứng xử văn hóa, thể hiện văn hóa giao tiếp của một cộng đồng và của cá nhân người tham gia giao tiếp. Xung hô do đó trở thành một hiện tượng ngôn ngữ - văn hóa rất đáng chú ý của các cộng đồng ngôn ngữ, trong đó có cộng đồng người Pa Cô.

2. “Người Pa Cô” và “tiếng Pa Cô”

Người Pa Cô, theo danh mục các dân tộc thiểu số Việt Nam, là một nhóm địa phương trong ba nhóm thuộc dân tộc Tà Ôi, thường được gọi chung là Pa Cô - Tà Ôi. Đối với nhiều người Việt Nam, danh xưng Pa Cô từ lâu đã trở nên quen thuộc, như lời một bài hát nổi tiếng trong thời chống Mỹ cứu nước: “Người con gái Pa Cô con cháu Bác Hồ...” (Huy Thục). Người Pa Cô hiện có hơn 50.000 người định cư chủ yếu ở huyện miền núi A Lưới (tỉnh Thừa Thiên Huế) và các huyện Hướng Hóa và Đakrông (tỉnh Quảng Trị).

Theo nhiều nghiên cứu, tiếng nói của người Pa Cô có thể coi là ngôn ngữ độc lập. Tác giả Nguyễn Văn Lợi, trong một bài viết từng khẳng định: “Hiện nay, ở A Lưới ngôn ngữ Pa Cô và Tà Ôi có phạm vi sử dụng khác nhau. Tiếng Pa Cô do có lượng người sử dụng đông hơn, ngoài chức năng là công cụ giao tiếp trong gia đình, thôn bản, giữa những người đồng tộc, còn được sử dụng như phương tiện giao tiếp chung giữa các nhóm người Tà Ôi, Cơ Tu, Pa Cô. Ngày nay, hầu hết đàn ông và lớp trẻ người Tà Ôi và Cơ Tu có thể sử dụng thành thạo tiếng Pa Cô...” (dẫn theo [9]).

¹ Trường Trung học cơ sở - Dân tộc nội trú A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.

² Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Xét về nguồn gốc, tiếng Pa Cô thuộc nhóm ngôn ngữ Katuic, chi Môn-Khmer, ngữ hệ Nam Á (nhánh Đông, cùng với các ngôn ngữ Tà Ôi, Cơ Tu). Xét về mặt loại hình, tiếng Pa Cô thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập, tiểu loại hình cổ, cận âm tiết tính (dựa theo nhận xét chung của Xtankêvich về các ngôn ngữ thuộc tiểu chi Katuic [10]).

Chữ viết tiếng Pa Cô đã được xây dựng từ năm 1957 và được dùng để biên soạn *Sách học tiếng Pakôh - Taôih* (1986) do Hoàng Tuệ chủ biên [5]. Dựa trên sách này, Sở Giáo dục và Đào tạo Thừa Thiên Huế đã cho xây dựng *Tài liệu dạy tiếng Pa Cô - Tà Ôi* để dạy cho học sinh Pa Cô - Tà Ôi và cán bộ địa phương ở huyện A Lưới. Các từ ngữ xưng hô tiếng Pa Cô dẫn trong bài được chúng tôi thể hiện theo chữ viết ở sách dạy tiếng này.

3. Từ ngữ xưng hô trong tiếng Pa Cô

Cũng như nhiều ngôn ngữ khác, tiếng Pa Cô sử dụng hai loại từ ngữ chính để xưng hô: các từ xưng hô chuyên dụng (đại từ xưng hô) và các từ xưng hô lâm thời (như danh từ chỉ quan hệ thân tộc, từ ngữ chỉ chức vụ...). Trong bài này, chúng tôi tập trung miêu tả các đại từ nhân xưng và các danh từ chỉ quan hệ thân tộc được sử dụng hoặc kết hợp sử dụng trong xưng hô, gọi chung là “từ ngữ xưng hô” trong giao tiếp của người Pa Cô ở huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3.1. Đại từ nhân xưng

Theo khảo sát của chúng tôi, trong xưng hô, người Pa Cô sử dụng 16 đại từ nhân xưng thuộc các ngôi thứ nhất (ngôi I), thứ hai (ngôi II), thứ ba (ngôi III) và lưỡng ngôi (I và III). Để tiện cho việc theo dõi, chúng tôi tạm sử dụng các từ tương đương trong hệ thống từ ngữ xưng hô tiếng Việt để ghi chú nghĩa của các đại từ nhân xưng tiếng Pa Cô.

Cụ thể như sau:

Bảng 1. Hệ thống đại từ nhân xưng trong tiếng Pa Cô

STT	Đại từ nhân xưng	Số	Nghĩa
1. Ngôi thứ nhất			
1	<i>kur</i>	Ít	tôi, tao, tớ,...
2	<i>nhăng</i>	Số đôi (loại trừ)	hai chúng mình, hai chúng tôi, ...
	<i>toop nhăng</i>		hai bọn tôi
3	<i>he</i>	Nhiều (gộp)	chúng tớ, chúng tao, chúng ta, chúng tôi
	<i>toop he</i>		bọn tôi, bọn tao, bọn tớ...
2. Ngôi thứ hai			
4	<i>mãi</i>	Ít	mày, ông, bà, cha, mẹ, anh, chị,...
5	<i>inha/ toop inha</i>	Số đôi (loại trừ)	hai chúng mày, hai người/hai bọn họ.
6	<i>ipe/ toop ipe</i>	Nhiều (gộp)	chúng mày, các anh (chị)/bọn ông,...
3. Ngôi thứ ba			
7	<i>do</i>	Ít	nó, ông ấy, bà ấy...
8	<i>anha/toop anha</i>	Số đôi (loại trừ)	hai đứa nó, hai chúng nó/hai bọn nó
9	<i>ape/toop ape</i>	Nhiều (gộp)	họ, chúng nó/bọn họ, bọn chúng nó, lũ nó, ...
4. Lưỡng ngôi			
10	<i>Ngai</i>		người ta, mình

Trong tiếng Pa Cô, các đại từ nhân xưng phân biệt với nhau trên các ý nghĩa ngữ pháp về ngôi và số. Cũng như các ngôn ngữ đơn lập khác, ý nghĩa ngữ pháp của các đại từ nhân xưng tiếng Pa Cô được biểu hiện bằng các đơn vị từ vựng.

Về ngôi, ngoài ngôi I, ngôi II, ngôi III, tiếng Pa Cô còn có từ xưng hô lưỡng ngôi: *ngai*, vừa chỉ ngôi I vừa chỉ ngôi III. Ví dụ:

- Ngôi I: ***Ngai*** *tông ma laaiq kammăng* (**Người ta/ tôi** đã nói mà không nghe);
- Ngôi III: ***Ngai*** *tanteech tong ngăi* (**Người ta/ họ** buôn bán cả ngày).

Về số, có sự phân biệt số ít, số nhiều và cả số đôi, theo các ngôi khác nhau.

+ Thuộc về số ít có ba từ ở ba ngôi lần lượt ngôi I, ngôi II, ngôi III là *kur - mǎi - do*, tương ứng với I - you - it/ he/ she trong tiếng Anh, *tôi/ tao - mày - nó/ hắn* trong tiếng Việt.

Nói tương ứng không có nghĩa là hoàn toàn tương đương với nhau. So với tiếng Anh, *kur - mǎi* có các từ tương đương là I - you nhưng *do* thì không, bởi *do* chỉ thuần túy là ngôi III, số ít, không phân biệt về người/ không người, nam/ nữ. Nếu so với tiếng Việt, tình hình lại khác hơn nữa. Các từ *tôi/ tao - mày - hắn/ nó* trong tiếng Việt luôn mang nghĩa đánh giá, hạn chế về phạm vi sử dụng, thường mang sắc thái nghĩa thân mật hay suồng sã, còn *kur - mǎi - do* trong tiếng Pa Cô trung tính về sắc thái biểu cảm, được sử dụng rộng rãi trong mọi hoàn cảnh giao tiếp.

+ Thuộc về số đôi có ba từ diễn hình ở ba ngôi (I, II, III): *nhăng - inha - anha*, tương ứng (tất nhiên là không hoàn toàn) với *we - you - they* trong tiếng Anh, *chúng tôi - các anh - họ* trong tiếng Việt. Bởi ngoài ý nghĩa chỉ ngôi và số nhiều, các từ *nhăng - inha - anha* đặc biệt chỉ dùng để trả lời tương giao tiếp là một đôi/một cặp, là *hai chúng tôi, hai chúng ta (nhăng)* hay *hai bạn (inha), hai người họ (anha)*, không phân biệt về sắc thái biểu cảm. Khi cần diễn đạt sắc thái biểu cảm, thường là thân mật hay suồng sã, người Pa Cô sử dụng yếu tố *toop* với nghĩa như *bọn, lũ, đàn* để tạo nên một bộ ba khác: *toop nhăng - toop inha - toop anha*. Yếu tố *toop* đồng thời nhấn mạnh thêm về yếu tố “phe phái”/ người cùng phía kiểu *phe tôi, phe anh, phe họ* trong các đại từ nhân xưng này.

+ Thuộc về số nhiều là các từ *he - ipe - ape* chỉ các tập hợp số đông thuộc các ngôi I, II, III, không phân biệt sắc thái biểu cảm. Cũng như đối với các từ mang nghĩa số đôi, ý nghĩa biểu cảm của các đại từ nhân xưng số nhiều được biểu hiện qua các từ ghép có *toop*, tương ứng với *lũ chúng tôi - bọn các anh - lũ chúng nó*, v.v...

Về đại từ lưỡng ngôi *ngai*: Đây là một từ xưng hô khá đặc biệt, vừa dùng để chỉ ngôi I, vừa có thể chỉ ngôi III. Ở ngôi I, *ngai* mang nghĩa số ít, như khi nói: *A kâp mǎi nhoong bai ngai* (Mày không được nhìn bài của **người ta/tao**). Ở ngôi III, *ngai* có thể mang nghĩa số ít hoặc số nhiều. Thí dụ: *Ê kur sǎng ngai tông a mǎi* (Tôi nghe **người ta** nói nhiều về anh). Trong thực tế giao tiếp, người Pa Cô vẫn có thói quen sử dụng từ lưỡng ngôi này, không phân biệt vị thế gia đình, xã hội, tuổi tác để diễn tả sắc thái tình cảm lịch sự, trang trọng trong giao tiếp không quy thức.

Có thể thấy, trừ trường hợp từ lưỡng ngôi *ngai*, các đại từ xưng hô trong tiếng Pa Cô cơ bản mang sắc thái biểu cảm trung tính, đặc biệt là các từ chỉ ngôi I, II, III số ít (*kur - mǎi - do*). Với các từ thuộc

số đôi và số nhiều, có sự đối lập về sắc thái biểu cảm thông qua vai trò của yếu tố *toop* (có hay không yếu tố *toop* trong cấu tạo của từ nhân xưng).

3.2. Từ chỉ quan hệ thân tộc dùng để xưng hô trong tiếng Pa Cô

Từ chỉ quan hệ thân tộc là hệ thống danh từ gọi tên các thành viên có quan hệ họ hàng trong cùng một gia tộc. “Xưng hô phỏng theo quan hệ thân tộc về thực chất chính là sự phỏng theo quan hệ huyết thống. Thông qua cách xưng hô này, người nghe có cảm nhận được mức độ thân thiết của người nói dành cho họ, coi họ và người nói như con trong một nhà” [2, tr.29].

Theo tìm hiểu của chúng tôi, tiếng Pa Cô có 32 danh từ chỉ quan hệ thân tộc, trong đó có 25 từ được dùng ở hai ngôi (ngôi I và II). Xét theo thể hệ và lấy *kur* (tôi) làm trung tâm, đó là các từ như sau:

- Theo quan hệ hàng ngang, cùng thế hệ với *kur* sẽ có các từ: *achai* (anh), *amoq* (chị), *a-em* (em),...
- Theo quan hệ hàng dọc, tức theo thế hệ mà *kur* là thế hệ thứ nhất thì có:
 - + Thế hệ sau liền kề (tức thế hệ thứ hai) của *kur* sẽ có các từ: *akăi* (con)
 - + Thế hệ thứ ba của *kur* là: *achau* (cháu - ông/ bà).
 - + Thế hệ thứ tư của *kur* là: *ache* (chắt - cụ).

Như vậy, trong hệ thống từ thân tộc của người Pa Cô ở sau *kur* chỉ có ba thế hệ.

+ Thế hệ trên liền kề của *kur* sẽ có: *a-ăm* (bố), *a-i* (mẹ), *anhi* (em trai mẹ - cậu), *ama* (em gái bố - cô; em gái mẹ - dì; em dâu bố - thím), *ăm ke't* (em trai bố/ bố dượng – chú), *ăm put* (anh trai bố/ mẹ - bác, *i put* (chị gái mẹ/bố - bác).

- + Thế hệ trên thứ hai của *kur* sẽ là: *avooq* (ông), *akăq* (bà).
- + Thế hệ trên thứ ba của *kur* sẽ là: *achuôih* (cụ)

Trong hệ thống từ thân tộc của người Pa Cô chỉ có tới thế hệ thứ ba. Người Pa Cô không có danh từ để chỉ thế hệ trên, đời thứ tư (như *kị* trong tiếng Việt).

Trong số 32 từ chỉ quan hệ thân tộc, ngoài 25 từ đã nêu, có 7 từ chỉ được dùng khi giới thiệu, tức ngôi III. Đó là *kappăi* (vợ), *kayorq* (chồng), *ache* (chắt), *tarmoot* (con dâu/con rể được bố mẹ 2 bên gọi), *koonh* (chỉ người con trai), *kăn* (chỉ người con gái), *seam sai* (anh em trai/ chị em gái).

Đáng lưu ý, trong tiếng Pa Cô, có những từ chỉ thân tộc dùng để gọi chung nhiều đối tượng như: *anhi* (dượng, chú, cậu, bố vợ/ chồng), *ama* (thím, dì, cô, mẹ vợ/ chồng).

a. Xét về mặt cấu tạo

- Phần lớn các từ thân tộc trong tiếng Pa Cô có cấu tạo là từ đơn. Đó là các từ như: *avooq* (ông), *akăq* (bà), *a-ăm* (cha, bố), *a-i* (mẹ, má), *ăm put* (bác trai), *i put* (bác gái: chị gái mẹ/ bố), *anhi* (cậu, em trai mẹ), *ama* (cô), *ike't* (dì), *anhi* (chú/ dượng), *akăi* (con), *amon* (cháu: trong quan hệ cô, dì, chú, bác), *kappăi* (vợ), *kayorq* (chồng), *achai* (anh trai), *amoq* (chị gái), *a-em* (em), *achau* (cháu: trong quan hệ với ông, bà), *ache* (chắt: trong quan hệ với cụ).

- Một số từ chỉ quan hệ thân tộc có cấu tạo là từ ghép, bao gồm:

+ Từ ghép đẳng lập: *avooq akăq* (bà + ông = ông bà), *a-i a-ăm* (mẹ + cha, bố = cha mẹ), *kappăi kayorq* (vợ chồng), *akăi achau* (con + cháu = con cháu), *seam sai* (anh + em = anh em), *achai amoq* (anh + chị = anh chị), *amon akăi* (cháu: con của anh chị em + em = con cháu).

+ Từ ghép chính phụ: *a-em koonh* (em + trai = em trai), *kappăi tôm* (vợ + đầu = vợ cả), *a-ăm rooi* (bố + nuôi = bố nuôi). Các yếu tố phụ trong các từ ghép chỉ quan hệ thân tộc này làm bộc lộ ý nghĩa về giới tính, về nội/ngoại, về vai vế hay tính chất huyết thống.

Hoặc phức tạp hơn là những kết cấu như *seam sai kappăi* [(chị + em) + vợ = chị em vợ, tức chị em gái của vợ].

b. Xét về mặt ngữ nghĩa

Các từ chỉ quan hệ thân tộc trong tiếng Pa Cô được phân biệt bởi các nét nghĩa như:

- Về thứ bậc (trên/ dưới): Có sự phân biệt giữa các thế hệ như *avooq-a kăq/ achau - ache* (ông-bà/ cháu-chất), thứ tự trong gia đình như *akăi pông* (con cả) - *akăi tuloq* (con út) ...

- Về giới tính (nam/ nữ): Có nhiều từ mang ý nghĩa chỉ nam hay nữ như *a-em koonh* (em + trai = em trai), *akăi kăn* (con + nữ, gái = con gái), *achai* (anh trai), *amoq* (chị gái), *a-oom* (chị/ em dâu), *alep* (anh/ em rể).

- Bên nội/ bên ngoại: Ý nghĩa nội/ngoại không thể hiện rõ qua mỗi từ mà thường biểu hiện một cách khái quát qua cách kết hợp từ chỉ quan hệ thân tộc với *te mun koonh* (bên nhà trai, tức họ nội) hay *te mun kăn* (bên nhà gái, tức họ ngoại), ví dụ: *avooq-a kăq te mun koonh* (ông - bà nội), *avooq-a kăq te mun kăn* (ông - bà ngoại)...

- Thân/sơ: Trong tiếng Pa Cô, có những từ xưng hô thể hiện mối quan hệ thân thiết, ruột rà, thường chỉ dùng trong gia đình như *a-ăm/* cha, *a-i/* mẹ, *akăi/* con, nhưng cũng có những từ không phân biệt người trong gia đình với người ngoài xã hội khi xưng hô như *anhi* (chú/ bác - quan hệ ngoài xã hội). Còn trong quan hệ gia đình: *anhi* (chú) là em của bố và *ăm put* (bác) là anh của bố. Để nhấn mạnh vào mối quan hệ gia đình, người Pa Cô có cách nói kết hợp với *ku* như *a-ăm ku/ a-ăm măi* (bố của tôi/ bố của anh)...

So với đại từ xưng hô, các từ chỉ quan hệ thân tộc đem đến cho xưng hô trong tiếng Pa Cô sự đa dạng, phong phú hơn về sắc thái nghĩa, thể hiện rõ hơn các mối quan hệ gia đình và xã hội trong giao tiếp.

Ngoài các đại từ xưng hô và các danh từ chỉ quan hệ thân tộc, người Pa Cô còn sử dụng tên riêng cùng một số từ chỉ quan hệ xã hội, đặc biệt là các từ chỉ chức vụ để xưng hô như *dung veel* (dân làng, người làng), *areaih yaq* (trưởng họ), *sasai* (chỉ người chức cao, như *asai hiên* - Chủ tịch huyện); *areaih* (chỉ người lãnh đạo, như *areaih yaq* - Trưởng họ) ... Những từ này thường dùng để trò ngôi I và ngôi II số ít. Chúng tôi sẽ trở lại với các từ này trong một nghiên cứu khác, liên quan đến cách xưng hô trong giao tiếp xã hội của người Pa Cô.

4. Khảo sát cách sử dụng từ ngữ xưng hô trong quan hệ thân tộc của người Pa Cô

Để hiểu sâu hơn về xưng hô trong gia đình người Pa Cô, chúng tôi đã sử dụng phương pháp điền dã ngôn ngữ học, tiến hành xây dựng phiếu khảo sát, thu thập và xử lý thông tin về một số vấn đề liên quan đến cách sử dụng từ ngữ xưng hô trong quan hệ thân tộc của người Pa Cô. Kết quả được thể hiện qua 6 nhóm vấn đề như sau:

(1) *Về thông tin đối tượng khảo sát:* Chúng tôi đã thu thập được ý kiến của 150 người Pa Cô đang sinh sống tại huyện A Lưới, trong đó có 70 nam, 80 nữ, độ tuổi phổ biến từ 25 đến 50 tuổi (108 người,

chiếm 72%); phần lớn sống ở thôn bản (121/150 người, chiếm 80,7%); nghề nghiệp gồm: 66 người là cán bộ - công nhân viên chức, 40 người học sinh - sinh viên, 44 người thuộc các ngành nghề khác: kinh doanh, làm nông, nghề tự do... Trong 150 người, 142 người có cha là người Pa Cô (94%), 140 người có mẹ là người Pa Cô (93%); 110 người trong đó đã lập gia đình và đã có con, với hơn 90% vợ (hoặc chồng) cũng là người Pa Cô. Đáng chú ý, khi được hỏi về dân tộc, 149/150 người tự nhận mình là “người dân tộc” Pa Cô, chỉ có 01 người nhận mình là dân tộc Pa Cô - Tà Ôi.

(2) Về ngôn ngữ được sử dụng để xưng hô trong quan hệ thân tộc

- 150/150 người được khảo sát (100%) khẳng định người Pa Cô “thường xuyên” sử dụng tiếng Pa Cô để xưng hô trong quan hệ thân tộc. Có 148 người khẳng định bản thân cũng thường xuyên sử dụng tiếng Pa Cô để xưng hô trong gia đình, dòng họ mình, chỉ có 2 trường hợp nhận mình “không thường xuyên” hoặc “ít khi” sử dụng cách này.

- Bên cạnh đó, tiếng Việt cũng là ngôn ngữ được ưu tiên lựa chọn, khi có 42 người (28%) bản thân “thường xuyên” sử dụng tiếng Việt để xưng hô trong gia đình, dòng họ mình.

Điều này cũng dễ hiểu, bởi ngoài lí do giao thoa văn hóa, vẫn có một tỉ lệ nhất định những người có quan hệ thân tộc nhưng không cùng tộc Pa Cô với người được khảo sát, chủ yếu là người Việt, nhiều người trong đó thường xuyên sử dụng cả hai ngôn ngữ trong giao tiếp.

(3) Về thái độ ngôn ngữ đối với cách xưng hô trong quan hệ thân tộc

Được hỏi về việc có thích sử dụng tiếng Pa Cô để xưng hô trong gia đình, dòng họ không, 134 người (89,3%) trả lời “rất thích”, 15 người (10%) trả lời “thích”. Không có trường hợp “không thích”. Điều này nói lên tình cảm của người Pa Cô đối với tiếng nói của dân tộc mình và mong muốn được sử dụng ngôn ngữ của người Pa Cô để biểu đạt các mối quan hệ gia đình, dòng tộc.

(4) Về cách sử dụng từ ngữ xưng hô trong quan hệ thân tộc

Hỏi về việc sử dụng các từ ngữ xưng hô ở ngôi I (xưng), ngôi II (hô) và ngôi III (gọi) lần lượt với ông/bà mình, bố mẹ của mình, với vợ/chồng mình, với con, cháu, với anh/chị/em (bao gồm dâu, rể, anh chị em họ), với họ hàng bên ngoại (bao gồm dâu, rể) và họ hàng bên nội (bao gồm dâu, rể), chúng tôi nhận thấy:

+ Có những từ được sử dụng “thường xuyên” cho tất cả các mối quan hệ thân tộc, không kể bậc trên hay dưới, nam hay nữ, vợ hay chồng, nội hay ngoại..., đó là *kur* (ngôi I, số ít), *măi* (ngôi II, số ít) và *do* (ngôi III, số ít). Mỗi từ trong số này đều không có từ hoàn toàn tương đương trong tiếng Việt. Ở một mức độ nhất định, có thể thấy sự tương ứng của *kur* - *măi* - *do* với *tao* - *mày* - *nó* trong tiếng Việt. Tuy nhiên, nếu *tao* - *mày* - *nó* trong tiếng Việt mang đậm sắc thái thân mật hoặc suồng sã, rất hạn chế về mặt sử dụng, thì *kur* - *măi* - *do* lại mang sắc thái hoàn toàn trung tính, có thể sử dụng rộng rãi trong mọi mối quan hệ, bao gồm cả quan hệ tôn ti như con cái với bố mẹ, cháu với ông bà, chú bác, v.v...

+ Cùng với các đại từ xưng hô trên, hàng loạt các từ chỉ quan hệ thân tộc cũng được “thường xuyên” sử dụng, tùy thuộc vào tính chất quan hệ gia đình, dòng họ. Đó là những từ chỉ con (*a-kăi*), bố (*a-i*), mẹ (*a-ăm*), em (*a-em*), anh (*achai*), chị (*amoq*) chồng (*kayorq*), vợ (*kappăi*), bố nó (*i-koonh*), mẹ nó (*i-kăn*), bố Hải (*koonh Hai*), cháu (*achau*), cháu trai (*anooq*), cháu gái (*a-un*), ông (*avooq*), bà (*akăq*), chị/em dâu (*aoom*), anh/em rể (*alep*), bác trai (*ămput*), bác gái (*iput*), chú (*ămke't*), thím/dì

(*ike't*), cô (*ama*), cháu họ (*amon*), cậu/mợ (*anhi/ ama*). Đây là những từ chỉ rõ quan hệ và tính chất của những người tham gia giao tiếp (trên/dưới, nam/nữ, nội/ngoại, con cháu/dâu rể, v.v...).

+ Mỗi đại từ trong nhóm *kur - mǎi* - do có thể đi liền với nhau trong một quan hệ xưng hô, hoặc có thể kết hợp với các từ chỉ quan hệ thân tộc một cách linh hoạt, làm phong phú các hình thức xưng hô của người Pa Cô. Theo ghi nhận của chúng tôi, mỗi loại quan hệ như con/ bố mẹ, vợ/ chồng, cháu/ ông bà... đều có ít nhất 4 cách xưng hô.

(5) *Về việc sử dụng các từ xưng hô trong quan hệ thân tộc để xưng hô với những người ngoài xã hội*

Kết quả khảo sát cho thấy, người Pa Cô “thường xuyên” sử dụng các từ xưng hô trong quan hệ thân tộc để xưng hô ngoài xã hội, đặc biệt trong quan hệ với bạn bè, với dân làng, với người cùng tộc Pa Cô. Cụ thể: Có 98% người được hỏi sử dụng thường xuyên các từ chỉ quan hệ thân tộc để xưng hô với bạn bè; 93,3% thường xuyên dùng để xưng hô với người dân địa phương; 65,3% thường xuyên dùng để xưng hô ở nơi làm việc. Đáng chú ý, có 23,3% người Pa Cô được hỏi xác nhận có sử dụng thường xuyên các từ này để xưng hô với người khác tộc. Điều đó cho thấy vai trò quan trọng của từ ngữ chỉ quan hệ thân tộc trong giao tiếp xã hội của người Pa Cô.

(6) *Về cảm nhận đối với cách xưng hô trong quan hệ thân tộc của người Pa Cô*

Hỏi về “Cảm nhận của anh/chị đối với cách xưng hô trong quan hệ thân tộc của người Pa Cô”, chúng tôi ghi nhận được một số ý kiến như sau:

- Người Pa Cô thường xuyên xưng *kur* và dùng *mǎi* để gọi tất cả các đối tượng khác nhau, không phân biệt tuổi tác, nội ngoại.

- Hệ thống từ xưng hô trong quan hệ thân tộc của tiếng Pa Cô ít về số lượng và không mang sắc thái biểu cảm rõ như tiếng Việt.

- Các từ ngữ xưng hô trong quan hệ thân tộc được dùng tương đối linh hoạt. Chúng vừa có thể dùng để xưng hô trong phạm vi gia đình vừa có thể dùng để xưng hô ngoài xã hội.

- Cách xưng hô trong quan hệ thân tộc người Pa Cô gần gũi, tình cảm, thể hiện mối quan hệ khăng khít, gần bó bền chặt và rất thoải mái trong giao tiếp.

- Cách xưng hô thân mật nhưng đúng quan hệ tuổi tác, thứ bậc họ hàng.

- Cách xưng hô của người Pa Cô thể hiện rõ đặc trưng riêng trong giao tiếp, cần phát huy giá trị, giữ gìn nét văn hóa này.

- Ngôn ngữ nói chung và cách xưng hô trong quan hệ thân tộc người Pa Cô nói riêng rất hay, có thể đưa vào học tập thành một ngôn ngữ mới (môn tự chọn) ở nhà trường.

- Từ ngữ xưng hô cũng như ngôn ngữ người Pa Cô là ngôn ngữ thông dụng, phổ biến. Tất cả các dân tộc khác tại huyện A Lưới đều có thể sử dụng tiếng Pa Cô để giao tiếp. Hiện tại tiếng Pa Cô được đưa vào giảng dạy thí điểm tại một số trường tiểu học, các em học sinh rất hào hứng tham gia vì thực tế rất nhiều người Pa Cô chỉ biết nói chứ chưa biết viết chữ Pa Cô.

Những ý kiến này cho thấy người Pa Cô rất có ý thức về việc sử dụng tiếng mẹ đẻ trong các mối quan hệ gia đình, dòng tộc, có tình cảm yêu mến, trân trọng và mong muốn bảo tồn, phát huy tiếng nói của dân tộc mình trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

5. Xưng hô trong các tình huống giao tiếp gia đình của người Pa Cô

Kết hợp kết quả khảo sát với những quan sát và phỏng vấn sâu của chúng tôi đối với người Pa Cô, đặc biệt là người lớn tuổi, già làng đang sinh sống ở địa phương, chúng tôi thu nhận được kết quả về những cách xưng hô cụ thể trong các tình huống giao tiếp ở gia đình của người Pa Cô, thể hiện qua các bảng sau:

Bảng 2. Xưng hô giữa vợ và chồng

Stt	Tình huống	Các cách xưng hô		
		Cách 1	Cách 2	Cách 3
1	Khi vợ chồng chưa có con	<i>kur</i> (tôi)/ <i>măi</i> (mày)	<i>a chai</i> (anh)/ <i>a-em</i> (em)	<i>Kappăi</i> (vợ)/ <i>kayooq</i> (chồng)
2	Khi vợ chồng đã có con	<i>a-ăm</i> (bố) / <i>-i</i> (mẹ) + tên con đầu	<i>koonh</i> (bố)/ <i>kăn</i> (mẹ) + tên con đầu	<i>i koonh</i> (bố nó)/ <i>i-kăn</i> (mẹ nó)

Bảng 3. Xưng hô giữa cha, mẹ và con

Stt	Tình huống	Các cách xưng hô		
		Cách 1	Cách 2	Cách 3
1	Khi con chưa xây dựng gia đình	<i>a-i/ a-ăm</i> (bố-mẹ)/ <i>akăi</i> (con)	<i>kur</i> (tôi)/ <i>a-un/ anooq</i> (chị con trai/ gái khi còn bé)	<i>kur</i> (tôi)/ <i>măi</i> (mày)
2	Khi con đã xây dựng gia đình và có con	<i>kur</i> (tôi, bố...) - <i>koonh/ kăn</i> (bố mẹ) + tên đứa con đầu	<i>kur</i> (tôi)/ <i>a-i- a-ăm</i> (bố/mẹ)	<i>kur</i> (tôi)/ <i>avooq</i> (ông), <i>akăq</i> (bà) + tên đứa cháu đầu

Bảng 4. Xưng hô giữa ông, bà và cháu

Stt	Tình huống	Các cách xưng hô	
		Cách 1	Cách 2
1	Khi cháu chưa xây dựng gia đình	<i>Avooq-akăq</i> (ông-bà) - <i>achau</i> (cháu)	<i>kur</i> (tôi)/ <i>măi</i> (mày)
2	Khi cháu đã xây dựng gia đình và có con	<i>kur</i> (tôi, cháu...) - <i>ivooq /ikăq</i> (ông/bà)	<i>kur</i> (tôi)/ <i>măi</i> (mày)

Bảng 6. Xưng hô giữa anh, chị và em

Stt	Tình huống	Các cách xưng hô		
		Cách 1	Cách 2	Cách 3
1	Khi chưa xây dựng gia đình	<i>a chai-amoq</i> (anh-chị)/ <i>a-em</i> (em)	<i>kur</i> (tôi)/ <i>măi</i> (mày)	<i>a chai-amoq/a-em</i> + tên riêng
2	Khi đã xây dựng gia đình	<i>kur</i> (tôi, cháu...) - <i>koonh/ kăn</i> (bố/ mẹ) + tên đứa con đầu	<i>kur</i> (tôi)/ <i>măi</i> (mày)	

Bảng 7. Xưng hô giữa dâu, rể và các thành viên trong gia đình

Stt	Tình huống	Các cách xưng hô		
		Cách 1	Cách 2	Cách 3
1	Khi dâu, rể chưa có con	<i>anhi, ama</i> (bố mẹ vợ, chồng)/ <i>tarmoo</i> (dâu/ rể)	<i>kur</i> (tôi)/ <i>măi</i> (mày)	<i>anhi, ama</i> (bố mẹ vợ/ chồng)/ <i>akăi</i> (con)
2	Khi dâu, rể có con	<i>kur</i> (tôi) - <i>a-oom</i> (em dâu/ chị dâu)	<i>kur</i> (tôi)/ <i>kappăi/ kayooq</i> (vợ/ chồng) + tên riêng	<i>kur</i> (tôi)/ <i>alep</i> (anh rể/ em rể)

Có thể thấy, những đặc điểm về nhân vật giao tiếp như: đã xây dựng gia đình/chưa xây dựng gia đình, có con/chưa có con tác động không nhỏ đến sự lựa chọn cách xưng hô trong gia đình người Pa

Cô. Đây cũng là một biểu hiện của truyền thống giữ gìn những giá trị tốt đẹp trong đời sống gia đình của người Pa Cô.

6. Kết luận

Cũng như tiếng Việt và các ngôn ngữ khác, trong tiếng Pa Cô tồn tại một hệ thống từ ngữ xưng hô với cả hai lớp từ cơ bản: từ xưng hô chuyên dụng (đại từ nhân xưng) và từ ngữ xưng hô lâm thời, chủ yếu là các danh từ chỉ quan hệ thân tộc... Nếu như các đại từ nhân xưng trong tiếng Pa Cô có số lượng ít (16 từ), thường trung hòa về sắc thái biểu cảm, có tính khái quát cao, không bao hàm ý nghĩa ngữ pháp về giống, thì các danh từ thân tộc thuộc nhóm từ xưng hô lâm thời, có số lượng lớn hơn (32 từ), phạm vi sử dụng rộng rãi và biểu hiện khá rõ phong cách, đặc điểm, truyền thống văn hóa của người Pa Cô.

Về mặt sử dụng, từ ngữ xưng hô của người Pa Cô mang tính tự nhiên, đơn giản, dễ sử dụng, không cầu kì, khách sáo. Trong giao tiếp ngôn ngữ người Pa Cô không chú trọng nhiều đến tuổi tác, vị thế của người tham gia hội thoại. Họ sử dụng kết hợp giữa đại từ nhân xưng và các danh từ thân tộc để xưng hô trong các ngữ cảnh, tình huống, mối quan hệ của người tham gia giao tiếp. Mặt khác, khi giao tiếp người Pa Cô thích sử dụng đại từ nhân xưng cho các đối tượng nhưng đồng thời họ vẫn tôn trọng vị thế, chức phận của đối tượng đó trong gia đình.

Điều đặc biệt trong tiếng Pa Cô có cặp từ xưng hô *ku-mãi* được sử dụng thường xuyên và có thể áp dụng trong tất cả các mối quan hệ trong xã hội. Người nói khi xưng *ku* và dùng *mãi* để gọi tất cả các đối tượng khác nhau, không phân biệt tuổi tác, giới tính hay cương vị xã hội nhưng lại được tất cả mọi người chấp nhận. Ngoài cách xưng hô theo các mối quan hệ gia đình và xã hội, người Pa Cô còn xưng hô theo các tình huống khác nhau như: chưa lập gia đình/đã lập gia đình, chưa có con/đã có con... Mỗi tình huống đều có 2-3 cách xưng hô với những sắc thái biểu cảm nhất định.

Như nhận xét của một tác giả: "... cách xưng hô trong một thứ tiếng luôn luôn phản ánh đặc trưng tâm lí, tư duy văn hóa giao tiếp của dân tộc ấy" [6, tr. 18]. Trong tiếng Pa Cô, lớp từ xưng hô và cách sử dụng nó để giao tiếp hàng ngày là biểu hiện sinh động về đặc trưng văn hóa của cộng đồng người Pa Cô, cũng là tài sản tinh thần quý giá mà đất nước chúng ta cần tiếp tục gìn giữ, phát huy.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu, *Đại cương ngôn ngữ học*, Tập 2, *Ngữ dụng học*, Nxb Giáo dục, 2010.
2. Bế Viết Đăng, Chu Thái Sơn,..., *Đại cương về các dân tộc Êđê, Mnông ở Dak Lak*, Nxb Khoa học xã hội, 1982.
3. Nguyễn Hữu Hoàn, *Cách xưng hô giữa vợ và chồng của người Giao Tiên*, *Ngôn ngữ & Đời sống* (9), tr.31, 2000.
4. Nguyễn Văn Khang, *Ngôn ngữ học xã hội - những vấn đề cơ bản*, Nxb Khoa học xã hội, 1999.
5. Hoàng Tuệ (Chủ biên), Nguyễn Văn Lợi, Đoàn Văn Phúc, Phan Văn Thành, *Sách học tiếng Pakôh - Taôih*, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên, 1986.
6. Tôn Diễn Phong, *Vài nét về nghiên cứu ngôn ngữ qua văn hóa*, *Ngôn ngữ & Đời sống* (4), tr.17- 18, 1999.
7. Trần Nguyễn Khánh Phong, Ta Dur Tur, *Truyện cổ Pa Cô*, Nxb Thuận Hóa, 2010.
8. Phạm Ngọc Thường, *Các cách xưng hô trong tiếng Nùng*, Luận án Tiến sĩ Lí luận Ngôn ngữ, Đại học Sư phạm Hà Nội, 1998.
9. Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Đề án *Công nhận và Bổ sung tộc người Pa Cô là một dân tộc riêng vào danh mục các Dân tộc Việt Nam*, 2009.
10. Xtankêvich N.V., *Loại hình các ngôn ngữ*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1982.